| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **102** /2024/DS-ST
Ngày: 18/7/2024.
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Nguyễn Minh Thuận –Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2023/TLST – DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Ng, sinh năm: 1988.

Trú tại: ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H, sinh năm 1989.

Trú tại: K 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2023. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Bà R, sinh năm 1976.

Trú tại: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Q, sinh năm 1972. (Vắng mặt).

Trú tại: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2021, ông Ng có cho bà R vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với lãi suất 1,75%/ tháng kèm theo điều kiện cho mượn trong vòng 04 tháng kể từ ngày vay là phải trả lại số tiền gốc đã vay. Khi vay bà Rớt có thế chấp cho ông Ng giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa số 73, tờ bản đồ số 23 tọa lac tại xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre có diện tích 447,4 $m^2$ mang tên Q. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn làm ăn nhằm duy trì kinh tế gia đình.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Rớt chỉ đóng được cho ông Ng 02 tháng với số tiền lãi là 2.000.000 đồng rồi không đóng nữa và cũng không trả cho ông Ng số tiền gốc khi đến thời hạn như trong hợp đồng. Ông Ng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà Rớt trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà Rớt đều né tránh, không có thiện chí hợp tác.

Nay ông Ng yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện Bình Đại giải quyết buộc bà R và ông Q phải liên đới hoàn trả toàn bộ số tiền gốc là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Ông Ng không yêu cầu tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2024, bà R trình bày:*

Vào ngày 20/11/2021, thông qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Văn Chiến, bà có vay của ông Ng số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 7%/tháng kèm theo điều kiện cho mượn trong vòng 4 tháng kể từ ngày vay phải trả lại số tiền gốc đã vay và lãi hàng tháng, nếu không có vốn thì phải đóng lãi tiếp hàng tháng cho đến khi trả dứt nợ. Khi vay hai bên có lập hợp đồng cho mượn tiền đề ngày 21/11/2021, bà thừa nhận chữ ký và chữ viết "R" trong hợp đồng là của bà, bà có thế chấp cho ông Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại có diện tích 447,4$m^2$ mang tên ông Q, hai bên không có đăng ký giao dịch bảo đảm mà chỉ đưa làm tin. Mục đích vay vốn là để nuôi con chung của bà và ông Quen đi học điều dưỡng và xoay sở đóng lời lãi trong gia đình của các khoản vay khác. Bà có đóng lãi cho ông Ng 15.000.000 đồng coi như đóng tháng đầu tiên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà đóng được cho ông Ng 04 tháng lãi với số tiền 28.000.000 đồng thì mất khả năng đóng lãi nữa. Các lần đóng lãi bà không có giấy tờ chứng minh và hai bên không có làm giấy tờ về việc đóng lãi, bà cũng không có yêu cầu xem xét lại việc đóng lãi. Bà đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của ông Ng nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà và ông Quen là vợ chồng đã ly thân nhưng chưa ly hôn,

một mình bà trả tiền cho ông Ng, không liên quan đến ông Quen. Khi nào bà trả hết tiền cho ông Ng thì ông Ng sẽ trả sổ lại cho bà, bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

* Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Q theo quy định pháp luật nhưng ông Quen không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được ông Quen.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu quan điểm:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đúng quan hệ tranh chấp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: Xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi thông báo thụ lý. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Về nội dung:* Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Ông Ng yêu cầu bà R và ông Q phải liên đới hoàn trả toàn bộ số tiền gốc là: 100.000.000 đồng. Bà Rớt đồng ý trả cho ông Ng số tiền 100.000.000 đồng, nhưng bà Rớt cho rằng đây là nợ riêng của bà, không liên quan

đến ông Quen. HĐXX xét thấy: Bà Rớt và ông Quen là vợ chồng, mục đích bà Rớt vay tiền để nuôi con đi học và lo xoay sở cuộc sống gia đình. Ông Quen là chồng của bà Rớt phải có nghĩa vụ cùng bà Rớt trả cho ông Ng số tiền đã vay là 100.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bà Rớt và ông Quen cùng liên đới trả số tiền 100.000.00 là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên xác lập từ ngày 20/11/2021 có thỏa thuận lãi suất. Tuy các bên trình bày không thống nhất về lãi suất nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền lãi 10.000.000 đồng là thấp hơn so với quy định của pháp luật là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng của bị đơn, do nguyên đơn không chấp nhận và thuộc gia đoạn thi hành án nên HĐXX không xem xét.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại nguyên đơn giữ để làm tin. Do các bên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà R và ông Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ng số tiền 110.000.000 (Một trăm mười một triệu) đồng.

Trong đó: Nợ gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, tiền lãi 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Không tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà R và ông Q có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.025.000 (Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000534 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**